

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HÓC MÔN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 612/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 22-6-2023

Về việc: Ly hôn

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thanh Phượng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm

Bà Nguyễn Thị Kim Liên

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Vui - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Quang Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 208/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2023 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 148/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 151/2023/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1973;

Địa chỉ thường trú: I ấp T, xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

**Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1978;

Địa chỉ thường trú: I ấp T, xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Văn M trình bày:**

Ông và bà Nguyễn Thị Ngọc H tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 74, quyền số 01/2002 do UBND xã B, huyện H cấp ngày 28/3/2002.

Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2018, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã. Bà H nhiều lần thiếu nợ gây gổ với ông M buộc ông M bán nhà trả nợ. Mặc dù ông đã nhiều lần trao đổi, góp ý, khuyên can nhưng bà H không thay đổi dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Vợ chồng ông đã sống ly thân từ năm 2019 tới nay.

Nay ông không thể duy trì mối quan hệ hôn nhân và không thể tiếp tục chung sống với bà H, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu được ly hôn với bà H.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân với bà H, ông và bà H có 02 con chung tên Nguyễn Viết Thành N, sinh năm 2003 (đã trưởng thành) và Nguyễn Thụy Mỹ D sinh ngày 08/8/2008. Hiện nay, ông đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu D. Sau khi ly hôn, ông M yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu D, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn phát biểu quan điểm:***

Về thủ tục tố tụng: Những người tiến hành và tham gia tố tụng đều tuân thủ đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Ông M và bà H là vợ chồng hợp pháp từ ngày 28/3/2002. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, thường xuyên cãi vã. Ông M và bà H đã ly thân từ năm 2019 đến nay, hai vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc nhau, hôn nhân thực tế không còn tồn tại. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông M đối với bà H. Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Viết Thành N, sinh năm 2003 (đã trưởng thành) và Nguyễn Thụy Mỹ D sinh ngày 08/8/2008. Hiện nay, ông M đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu D. Để đảm bảo sự phát triển ổn định cho cháu D cũng như xét yêu cầu của ông M, xét nguyện vọng của cháu D là phù hợp, đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu D cho ông M tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông M không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa:*

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

**[I] Về thủ tục tố tụng:**

[1] Về quan hệ tranh chấp: Quan hệ tranh chấp giữa ông M và bà H là tranh chấp về việc “ly hôn”, bà H có nơi cư trú tại huyện H nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng đạt văn bản tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập cho ông M và bà H. Tại phiên tòa, ông M có mặt, bà H vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

**[II] Về nội dung vụ án:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông M và bà H tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn. Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 74, quyển số 01/2002 do UBND xã B, huyện H cấp ngày 28/3/2002, có đủ cơ sở xác định, ông M và bà H là vợ chồng hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của ông M đối với bà H: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận,

công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định nhằm tạo điều kiện để ông M và bà H hòa giải, đoàn tụ với nhau nhưng ông M vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với bà H, bà H vắng mặt không rõ lý do. Ông M trình bày trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp; bà H gây nợ dẫn đến vợ chồng xảy ra cãi vã, phải bán nhà trả nợ. Mặc dù ông M đã nhiều lần khuyên nhủ, góp ý nhưng bà H không sửa đổi. Ông bà đã sống ly thân từ năm 2019 cho tới nay, hai bên có cuộc sống riêng, không còn quan tâm, chăm sóc, yêu thương nhau. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng ông M và bà H đã trầm trọng, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông M về việc ly hôn với bà H.

[2] Về con chung: Ông Minh xác đ trong thời kỳ hôn nhân với bà H, vợ chồng ông bà có 02 con chung tên Nguyễn Viết Thành N, sinh năm 2003 (đã trưởng thành) và Nguyễn Thụy Mỹ D sinh ngày 08/8/2008. Hiện nay, ông M đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu D. Sau khi ly hôn, ông M yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu D, cháu D cũng có nguyện vọng được sống với cha. Xét nguyện vọng của ông M và cháu D là phù hợp cũng như để đảm bảo cuộc sống ổn định cho cháu D, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông M, giao cháu D cho ông M tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông M không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông Minh xác đ trong thời kỳ hôn nhân với bà H, ông bà không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông M phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn M được ly hôn với bà Nguyễn Thị Ngọc H (Giấy chứng nhận kết hôn số 74, quyển số 01/2002 do UBND xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28/3/2002).

2. Về con chung: Ông M và bà H có 02 con chung tên Nguyễn Viết Thành N, sinh năm 2003 (đã trưởng thành) và Nguyễn Thụy Mỹ D, sinh ngày 08/8/2008.

Giao cháu Nguyễn Thụy M1 D cho ông M được quyền trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Vì lợi ích của con chung, bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến

quyền này. Khi cần thiết, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ông Minh xác đ không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2022/0015853 ngày 07/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn (đã nộp đủ).

Thi hành án tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

5. Nguyên đơn (có mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn (vắng mặt) được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

6. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND TP. HCM;
- VKSND huyện Hóc Môn;
- Chi cục THADS huyện Hóc Môn;
- Cơ quan đăng ký KH;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Thị Thanh Phượng**